Kinh Chuyển Pháp Luân [Dhammacakkappavattana Sutta] (Wikipedia)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

Kinh Chuyển pháp luân – Wikipedia tiếng Việt https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Chuy%E1%BB%83n_ph%C3%A...

Kinh Chuyển pháp luân Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Kinh Chuyển pháp luân (chữ Hán: , Chuyển pháp luân kinh; chữ Phạn: , Bản chuyển ngữ của Dharmacakrapravartana Sūtra; pi. Kinh Chuyển pháp luân Dhammacakkappavattana Sutta), theo hầu hết truyền thống Phật giáo, là bài giảng pháp đầu tiên Tiếng Anh Setting in Motion the Wheel of mà Sa-môn Tất-đạt-đa Cồ-đàm thuyết giảng tại the Dharma, vườn Lộc Uyển cho các đệ tử sau khi Ngài đắc đạo. Promulgation of the Law Dù tồn tại nhiều phiên bản khác nhau, nhưng các Sutra, phiên bản này đều chung nội dung tóm tắt về tư The First Turning of the tưởng Trung đạo và các điểm cốt lõi của Phật giáo Wheel, gồm Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Vô thường và The Four Noble Truths Sutra Duyên khởi.[1][2][3] Tiếng Phạn Dharmacakrapravartana Sūtra

Lịch sử Tiếng Pali Dhammacakkappavattana Sutta

Theo truyền thống Thượng tọa bộ, không lâu sau Tiếng Miến khi Vương tử Tất-đạt-đa xuất ly đời sống thế tục, Điện sống không gia đình, Ngài đã tu hành khổ hạnh với Tiếng Trung , nỗ lực mạnh mẽ ở Uruvela. Cùng tu tập với ngài là Quốc nhóm bạn đồng tu gồm năm vị tu sĩ khổ hạnh gốc Tiếng Nhật Bà-la-môn, thường được biết đến với tên gọi Năm Tiếng Khmer anh em Kiều-trần-như. Sáu năm sau, Ngài nhận (Thormmachakkappavorttanak thấy rằng, khổ hạnh không phải là con đường đúng Sot) để giác ngộ nên đã từ bỏ và bắt đầu dùng lại vật thực cần thiết cho cơ thể. Nhóm năm vị tu sĩ cho Tiếng Hàn rằng người bạn Tất-đạt-đa đã từ bỏ nỗ lực giác ngộ, Tiếng / vì vậy đã thất vọng rời bỏ Ngài và đi đến Vườn Nai Sinhala ở Isipatana. Tiếng Thái th: (RTGS: Tuy nhiên, với nỗ lực của mình, tu sĩ trẻ Tất-đạt-đa Thammachakkappavatana đã đạt được giác ngộ và giải thoát khi thiền định Sut) dưới cội bồ đề bên dòng sông Nerañjarā ở Bodh Tiếng Việt Kinh Chuyển Pháp luân Gaya. Sau khi trở thành Phật, Ngài đã im lặng Thuật ngữ Phật Giáo trong 49 ngày. Theo MN 26 và MĀ 204, sau khi quyết định truyền pháp cho chúng sanh, ban đầu Đức Phật dự định đi thăm các vị thầy cũ của Ngài là Āḷāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta, để truyền lại pháp mà Ngài đã đắc đạo. Tuy nhiên, những vị thầy đó đã qua đời, vì vậy Ngài đã quyết định đến thăm năm người bạn đồng tu cũ của mình tại Sarnath, một thị trấn nhỏ gần thành Varanasi (Trung Ấn Độ). Những người này ban đầu nghi ngờ, nghĩ rằng ông đã từ bỏ việc tìm kiếm chân lý khi từ bỏ lối sống khổ hạnh của họ. Nhưng khi nhìn thấy ánh hào quang của Đức Phật, họ yêu cầu Ngài dạy những gì đã học được. Sau đó, Đức Phật đã thuyết giảng những giáo lý ban đầu, giới thiệu các khái niệm cơ bản của tư tưởng Phật giáo, chẳng hạn như Trung đạo và Tứ Diệu Đế.[4][5][6][7][8][9]

Những nghiên cứu học thuật

1 of 7 25/03/2023, 10:35 am

Kinh Chuyển pháp luân – Wikipedia tiếng Việt https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Chuy%E1%BB%83n_ph%C3%A...

Bảo tồn những giáo lý lâu đời nhất

Các học giả hiện đại đồng ý rằng những lời dạy của Đức Phật đã được truyền khẩu trong khoảng vài trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, trước khi chúng được ghi chép thành văn tự. Theo các học giả hàn lâm, sự mâu thuẫn trong các văn bản cổ xưa nhất có thể tiết lộ sự phát triển trong các giáo lý cổ xưa nhất.[10] Trong khi truyền thống Theravada cho rằng kinh điển có từ chính Đức Phật, được lưu truyền trong một chuỗi truyền khẩu không gián đoạn,[11][12] các học giả hàn lâm đã chỉ ra nhiều mâu thuẫn và cố gắng giải thích Tượng mô tả đức Phật thuyết kinh Chuyển pháp chúng. Thông tin về những giáo lý lâu đời nhất luân cho năm anh em Kiều Trần Như tại một ngôi của Phật giáo, chẳng hạn như Tứ Diệu Đế, một chủ chùa Việt Nam tại Quebec, Canada. đề quan trọng trong Kinh Chuyển pháp luân, đã thu thập được bằng cách phân tích các bản văn cổ nhất và những điểm mâu thuẫn này, là vấn đề đang được thảo luận và nghiên cứu.[13][14][15][16]

Sự phát triển của bài kinh

Theo Bronkhorst, "bài giảng đầu tiên" này được ghi lại trong một số kinh điển, với những biến thể quan trọng.[17] Trong các văn bản Luật tạng và trong kinh Chuyển pháp luân (bản Pali) chịu ảnh hưởng của các văn bản Luật tạng, có bao gồm nội dung Tứ diệu đế, cũng như chi tiết Kondañña giác ngộ khi "linh kiến Giáo pháp" khởi lên: "vạn vật có sinh ắt có diệt". [17][18][19] Tuy nhiên, trong kinh Thánh cầu (Ariyapariyesanā Sutta, Majjhima Nikaya 26) lại không đề cập đến Tứ diệu đế, đồng thời ghi nhận chi tiết Đức Phật đã thuyết giảng lần lượt cho nhóm 5 người, đôi khi chỉ giảng cho hai hoặc ba người, trong khi những người khác đi khất thực. Các phiên bản khác của "bài thuyết pháp đầu tiên" cũng có những dị biệt đáng kể khi trình bày về khái niệm Tứ diệu đế.[17] Đức Phật giảng bài pháp đầu tiên, Theo Bronkhorst, điều này chỉ ra rằng khái niệm Tứ đế đã Sarnath, khoảng năm 475. được thêm vào những mô tả trước đó về sự giải thoát bằng cách thực hành Tứ thiền, mà ban đầu được cho là đủ để tiêu diệt các arsavas.[17] Anderson, theo Norman, cũng cho rằng Tứ diệu đế vốn không có trong bộ kinh này, về sau được thêm vào trong một số phiên bản.[20] Theo Bronkhorst, khái niệm "Thập nhị nhân duyên" có lẽ cũng là một bổ sung sau này, nhằm thay thế thuật ngữ chung chung "bát- nhã" cho "tứ đế" cụ thể hơn.[21]

"Tinh túy" của Phật giáo

Theo Cousins, nhiều học giả có quan điểm rằng "bài giảng này chỉ được xác định là bài giảng đầu tiên của Đức Phật vào một thời điểm sau đó".[22] Theo Anderson, một đặc điểm đã được công nhận từ lâu của kinh điển Theravada là nó thiếu một "cấu trúc bao quát và toàn diện về con đường dẫn đến niết-bàn".[23] Các kinh văn tạo thành một

mạng lưới hoặc ma trận, chúng phải được kết hợp với nhau.[24] Trong mạng lưới này, "tứ diệu đế là một giáo lý trong số những giáo lý

khác và không đặc biệt trung tâm,"[24] nhưng là một phần của "toàn bộ ma trận pháp".[25] Tứ diệu đế được thiết lập và xâu kết trong mạng lưới đó, làm nổi bật lên "các giáo lý khác nhau giao thoa với nhau như thế nào",[26] và đề cập đến các pháp môn Phật giáo khác nhau, tất cả đều là một phần rõ ràng và ngầm định của các đoạn đề cập đến Tứ diệu đế.[27] Chính những yếu tố đó, đã được tập hợp để hình thành một kinh Chuyển pháp luân riêng biệt như là bài giảng đầu tiên và là cơ bản nhất của nhập môn con đường giác ngộ.

Phiên bản Kinh Chuyển pháp luân có hơn 20 phiên bản khác nhau[28][29], rải rác trong các bộ kinh điển các ngôn ngữ Pali, Phạn cùng các bản Hán dịch và Tạng dịch.

Tiếng Pali

Tương ưng Bộ, Tương ưng 56, kinh thứ 11, phiên bản Xích đồng diệp bộ Luật tạng, Đại phẩm, Thiên Thọ giới, phiên bản Xích đồng diệp bộ Tiểu Bộ, Phân tích đạo (pi. Paṭisambhidā-magga), phẩm thứ 7 "Pháp luân luận",[30] phiên bản Xích đồng diệp bộ

Tiếng Phạn

"Dharmacakrapravartana Sutra" (Chuyển pháp luân kinh)[31] "Abhidharmakośabhāṣya" (A-tì-đạt-ma-câu-xá luận thích)[32] "Dharmaskandha" (Pháp uẩn túc luận), quyển 6,[33] Ảnh họa chùa Chedi Liam Thái Lan phiên bản Thuyết nhất thiết hữu bộ về Bài giảng ở vườn Lộc Uyển "Mahāvastu" (Đại sự), phiên bản Thuyết xuất thế bộ Sarnath.

Hán dịch

Tạp A-hàm, quyển 15, kinh 379. Cầu-na Bạt-đà-la dịch từ bản của Thuyết nhất thiết hữu bộ Tăng nhất A-hàm, quyển 14, phẩm 24, kinh số 5.[34][35] Tăng-già-đề-bà (Saṅghadeva) dịch từ bản của Thuyết nhất thiết hữu bộ Phật thuyết Chuyển pháp luân kinh (), An Thế Cao dịch[36] Tam chuyển Pháp luân kinh ().[37] Nghĩa Tịnh dịch từ bản của Thuyết nhất thiết hữu bộ Phổ diệu kinh (),[38] quyển 7 "Câu-lân đẳng phẩm". Trúc Pháp Hộ dịch Phương quảng Đại trang nghiêm kinh (), quyển 11 "Chuyển pháp luân phẩm".[39]. Địa-bà-ha-la (Divākara) dịch Quá khứ hiện tại nhân quả kinh (), quyển 3.[40] Cầu-na Bạt-đà-la dịch Phật bổn hạnh tập kinh (), quyển 34.[41] Xà-na-quật-đa (Jñānagupta) dịch Ma-ha đế kinh (), quyển 7.[42] Pháp Hiền () dịch Tứ phần luật (), quyển 32.[43] Phật-đà-da-xá (Buddhayazas) và Trúc Phật Niệm ( ) dịch từ bản của Pháp tạng bộ Ngũ phần luật (), quyển 15.[44] Phật-đà-thập (Buddhajìva) và Trúc Đạo Sinh () dịch từ bản của Hóa địa bộ

Thập tụng luật (), quyển 60.[45] Phất-nhã-đa-la (Puiyatàra) và Cưu-ma-la-thập dịch từ bản của Thuyết nhất thiết hữu bộ Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (), quyển 19.[46] Nghĩa Tịnh dịch từ bản của Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da phá tăng sự (), quyển 6.[47] Nghĩa Tịnh dịch từ bản của Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ

Tạng dịch

Phổ diệu kinh, chương 26 "Chuyển pháp luân".[48]

Chú thích

1. ^ “Kinh Chuyen Phap Luan”.
2. ^ Gethin 1998, tr. 59.
3. ^ Norman 2003.
4. ^ Sucitto 2010, tr. 10-12.
5. ^ Dhamma 1997, tr. 22-24.
6. ^ Geshe Tashi Tsering 2005, Kindle Locations 163-169.
7. ^ Gethin 1998, tr. 25.
8. ^ Thich Nhat Hanh 1991, Kindle Locations 1822-1884.
9. ^ Thich Nhat Hanh 1999, tr. 6-8.
10. ^ Vetter 1988, tr. ix.
11. ^ Payutto, P. A. “The Pali Canon What a Buddhist Must Know” (PDF).
12. ^ *Sujato, Bhante; Brahmali, Bhikkhu (2015), The Authenticity of the Early Buddhist Texts
(PDF), Chroniker Press, ISBN 9781312911505
13. ^ Bronkhorst 1993.
14. ^ Vetter 1988.
15. ^ Schmithausen 1981.
16. ^ Gombrich 1997.
17. ^ a b c d Bronkhorst 1993, tr. 110.
18. ^ Anderson 2001, tr. 69.
19. ^ Bhikkhu Bodhi 2000, tr. 1846.
20. ^ Anderson 1999, tr. 68.
21. ^ Bronkhorst 1993, tr. 106.
22. ^ Cousins 2001, tr. 38.
23. ^ Anderson 2001, tr. 131.
24. ^ a b Anderson 2001, tr. 85.
25. ^ Anderson 2001, tr. 86.

26. ^ Anderson 2001, tr. 86-87.

27. ^ Anderson 2001, tr. 132.

28. ^ Kōgen Mizuno (), Nghiên cứu văn hiến Phật giáo.

29. ^ . “” (PDF). Bản gốc (pdf) lưu trữ ngày 5 tháng 7 năm 2008.
Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp)

30. ^ “”. tr. 147–158. Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp); |url= trống hay bị thiếu (trợ giúp); |chapter= bị bỏ qua (trợ giúp)

31. ^ Leon Feer, Paris, 15 Quai Voltaire, 1870. 32. ^ Vasubandhu; Pradhan, Prahallad; Haldar, Aruna; Vasubandhu (1975). Abhidharmakośabhāṣyam (bằng tiếng Phạn). Pātaliputram: Kāśīprasadajāyasavāla- Anuśīlan-Samsthānam. OCLC 644450786. 33. ^ . “”. No. 1537. . . Bản gốc|url lưu
trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 4 tháng 3 năm 2016. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 34. ^ “”. No. 125. . . Bản gốc|url lưu
trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 23 tháng 11 năm 2012. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 35. ^ “245()”. . Bản gốc lưu trữ ngày 27 tháng 7 năm 2019.
Truy cập ngày 6 tháng 9 năm 2013. Đã bỏ qua tham số không rõ |dead-url= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp) 36. ^ “”. No. 109. . . Bản
gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 11 tháng 5 năm 2011. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 37. ^ “”. No. 110. . . Bản
gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 23 tháng 9 năm 2015. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 38. ^ “ ”. No. 186. .
. Bản gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 3 tháng 8 năm 2020. Đã
bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |dead-url= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); |ngày truy cập= cần |url= (trợ giúp) 39. ^ “ ”. No. 187. . . Bản gốc|url lưu trữ=
cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 23 tháng 11 năm 2008. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 40. ^ “3”. 3No.189. . . Bản gốc|url lưu
trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 22 tháng 7 năm 2019. Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |dead-url= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); |ngày truy cập= cần |url= (trợ giúp) 41. ^ “”. No.
190. . . Bản gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 4 tháng 3
năm 2016. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 42. ^ “7”. No.

191. . . Bản gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 9 tháng 8
năm 2011. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 43. ^ “()”.
No. 1428. . . Bản gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu
trữ ngày 30 tháng 10 năm 2013. Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp) 44. ^ “”. No. 1421. . . Bản gốc|url
lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 22

tháng 11 năm 2008. Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp) 45. ^ “”.
No. 1435. . . Bản gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ
ngày 13 tháng 10 năm 2008. Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |deadurl= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp) 46. ^ “19”. 24 No.1451. . . Bản gốc|url lưu trữ= cần
|url= (trợ giúp) lưu trữ ngày 18 tháng 1 năm 2021. Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |dead-url= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); |ngày truy cập= cần |url= (trợ giúp) 47. ^ “”.
No. 1450. . . Bản gốc|url lưu trữ= cần |url= (trợ giúp) lưu trữ ngày
29 tháng 1 năm 2020. Đã bỏ qua tham số không rõ |chapterurl= (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |dead-url= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); |ngày truy cập= cần |url= (trợ giúp) 48. ^ “A Play in Full: Lalitavistara”. translated by the Dharmachakra Translation Committee. 2013. Bản gốc lưu trữ ngày 4 tháng 3 năm 2021. Truy cập ngày 6 tháng 9 năm 2013. Đã bỏ qua tham số không rõ |dead-url= (gợi ý |url-status=) (trợ giúp); Đã bỏ qua tham số không rõ |trans_title= (gợi ý |trans-title=) (trợ giúp)(tiếng Anh)

Tham khảo Anandajoti Bhikkhu (trans.) (2010). The Earliest Recorded Discourses of the Buddha (from Lalitavistara, Mahākhandhaka & Mahāvastu). Kuala Lumpur: Sukhi Hotu. Also available on- line at http://www.ancient-buddhist-texts.net/English-Texts/Earliest-Discourses/index.htm.
Ajahn Sumedho (2002), The Four Noble Truths, Amaravati Publications Ajahn Sucitto (2010), Turning the Wheel of Truth: Commentary on the Buddha's First Teaching, Shambhala Bhikkhu Bodhi (translator) (2000), The Connected Discourses of the Buddha: A New Translation of the Samyutta Nikaya, Boston: Wisdom Publications, ISBN 0-86171-331-1 Dhamma, Ven. Dr. Rewata (1997), The First Discourse of the Buddha, Wisdom, ISBN 0-86171-104-1 Gombrich, Richard (1988, repr. 2002). Theravada Buddhism: A Social History from Ancient Benares to Modern Colombo. London: Routledge. ISBN 0-415-07585-8. Geshe Tashi Tsering (2005), The Four Noble Truths: The Foundation of Buddhist Thought, Volume I, Wisdom, Kindle Edition Gethin, Rupert

(1998), Foundations of Buddhism, Oxford University Press Goldstein, Joseph (2002), One Dharma: The Emerging Western Buddhism, HarperCollins Harvey, Peter (1990), Introduction to Buddhism, Cambridge University Press Norman, K.R. (1982). "The Four Noble Truths: a problem of Pali syntax" in L.A. Hercus et al. (ed.), Indological and Buddhist Studies: Volume in Honour of Professor J.W. de Jong on his Sixtieth Birthday. Canberra, pp. 377–91. Thich Nhat Hanh (1991), Old Path White Clouds, Parallax Press Thich Nhat Hanh (1999), The Heart of the Buddha's Teaching, Three River Press Thich Nhat Hanh (2012), Path of Compassion: Stories from the Buddha's Life, Parallax Press Walpola Rahula (2007), What the Buddha Taught, Grove Press, Kindle Edition

6 of 7 25/03/2023, 10:35 am

Kinh Chuyển pháp luân – Wikipedia tiếng Việt https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Chuy%E1%BB%83n_ph%C3%A...

7 of 7 25/03/2023, 10:35 am

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.